

NĂNG LỰC TƯỜNG TƯỢNG VỚI NHÀ KHOA HỌC VÀ NGHỆ SĨ

VŨ THỊ THANH HOÀI

Tóm tắt

Tường tượng không chỉ là một đặc tính của hoạt động thần kinh, là bản năng, mà còn là một trong những đặc điểm tối ưu của nhân loại, đánh dấu bước tiến hoá của con người so với con vật, nói lên trình độ phát triển của con người. Người nghệ sĩ và nhà khoa học, do đặc trưng công việc sáng tạo của mình, cần đến năng lực tường tượng, như là điểm xuất phát - yếu tố quan trọng dẫn đến thành công. Bài viết tìm hiểu vai trò, biểu hiện của tường tượng đối với nhà khoa học và người nghệ sĩ, khẳng định năng lực tường tượng không chỉ cần cho họ mà còn cần cho con người nói chung, vì sự tiến bộ của xã hội.

Trong cuốn: “Dẫn giải ý tưởng văn chương”, Henri Becnac đã thu tóm một cái nhìn chung về tường tượng như sau: “Tường tượng là khả năng mà trí não chúng ta có được, thể hiện dưới ba hình thức:

* Tường tượng tái hiện: đó là khả năng tái hiện lại những hình ảnh đến trực tiếp từ giác quan hay được giữ lại trong trí nhớ.

* Tường tượng sáng tạo: là khả năng kết hợp những hình ảnh, mặc dù được vay mượn từ tự nhiên, vẫn tạo nên một tổng thể không tồn tại trong thực tiễn.

* Theo định nghĩa của Pascal: tường tượng là khả năng tác động lên ý chí của chúng ta của những hình ảnh được thu nhận, được tái hiện và được tạo ra”(1).

Cũng trong cuốn sách này, Henri Becnac đã cung cấp hai quan điểm khác nhau khi nhìn nhận về tường tượng. Phái luận tội (đặc biệt các tác giả ở thế kỷ XVII và XVIII) thì cho rằng chính tường tượng ngăn cản lí trí đạt tới chân lý: nó làm nảy sinh những ảo tưởng, những niềm tin sai lệch, những dự đoán thiên kiến, những mộng tưởng hão huyền, những ý nghĩ sai lệch về bản thân. Tường tượng là cơ sở của những sai lầm về con người, tạo thuận lợi cho những trò bịp bợm xã hội, những sự nguỡng mộ không được minh chứng, làm tăng tính ngạo mạn và tính cách này hướng con người đến những hoạt động phô trương...Phái bệnh vực lại khẳng định: tường tượng tái hiện làm sống lại những kỷ niệm và tôn giá trị niềm vui sướng mà những kỷ niệm ấy gợi lên. Tường tượng

sáng tạo, được đánh giá là rất tích cực, mang đến cho mọi người phương tiện để thoát khỏi những buồn rầu trong cuộc sống, làm cho con người hạnh phúc hơn trong thực tế, làm phong phú cảm xúc của con người, đặc biệt là một thành phần cơ bản của phát minh đối với những nhà bác học, nhà tư tưởng và khơi nguồn cho những sáng tạo văn chương nghệ thuật.

Trong cuộc sống, ai cũng có ít nhiều đầu óc tưởng tượng, sự mộng mơ, giống như ai cũng có lúc nằm mơ. Nhưng con người thường mơ khi ngủ, còn tưởng tượng thì xuất hiện ngay cả khi con người đang hoạt động. Tưởng tượng không chỉ là một đặc tính của hoạt động thần kinh, là bản năng mà còn là một năng lực đánh dấu bước tiến hoá của con người so với con vật, nói lên trình độ phát triển của con người. Đúng như Mác đã từng khẳng định: “trí tưởng tượng là phú bẩm vĩ đại đã thúc đẩy mạnh mẽ cho nhân loại phát triển”. Nhờ có năng lực tưởng tượng, con người mới dám bút phá trong cách nghĩ, cách làm, vượt lên trên mọi khuôn phép ràng buộc và lối mòn. Nhờ có nó, con người mới cất mình lên để tới “những vì sao”...

Bởi đặc trưng công việc của người nghệ sĩ và nhà khoa học, họ không thể không cần đến tưởng tượng. Đây cũng là điểm gặp gỡ, sự đồng cảm trong vô số những điều khác biệt giữa nghệ thuật và khoa học.

1. Năng lực tưởng tượng với nhà khoa học.

Theo quan điểm mỹ học Mác- Lênin, nghệ thuật và khoa học khác biệt sâu sắc về nội dung phản ánh: nếu khoa học chỉ phản ánh cái khách quan thì nghệ thuật lại phản ánh cái khách quan thông qua lăng kính chủ quan của người nghệ sĩ. Nếu trong khoa học, “cái tôi bao giờ cũng đáng ghét” (Pascal), thì trong nghệ thuật người nghệ sĩ phải tạo nên được dấu ấn riêng của mình, phải có tiếng nói riêng, giọng điệu riêng, cái làm nên sức sống cho tác phẩm của họ, đó chính là cá tính sáng tạo. Sự bất hạnh của người nghệ sĩ là thiếu cá tính, dẫu có dồn tất cả sức lực phong phú của họ vào việc viết những tác phẩm tràn giang đại hải, thì người đọc cũng không xem trọng họ. Nhà văn Dôla hoàn toàn có lý khi ông hùng hồn tuyên bố rằng: “không có cá tính thì coi như không có gì cả”

Thực sự, khoa học không chối bỏ yếu tố chủ quan. “Con đường đi tới tính khách quan trong khoa học được trải bằng tính chủ quan”(10), Root- Bersteen- một nhà sinh lý học người Mỹ đã từng phát biểu như vậy. Ông viện dẫn câu nói của Albert Einstein, nhà bác học lừng danh: “*khoa học như cái đích theo đuổi cuối cùng mang tính chủ quan và phụ thuộc tâm lý như bất cứ lĩnh vực văn hoá nào của loài người*”. Ông nhấn mạnh, mục đích các thí nghiệm, chứng minh và phân tích là xoá bỏ tính chủ quan này trong những kết quả cuối cùng của thực tiễn khoa học; nhưng nếu bỏ qua nó, *cái cội nguồn tư chất của trí tưởng tượng trong khoa học, sẽ làm giảm khả năng của chủ thể*. Ông đã đưa ra nhiều dẫn chứng để chứng minh cho quan điểm của mình và điều đó không phải là lạ lẫm trong giới khoa học. Ai cũng biết, Albert Einstein là một nhà bác học kỳ tài, có một sức sáng tạo vô cùng mãnh liệt. Những đóng góp to lớn của ông cho khoa học và sự tiến bộ của loài người khiến hậu thế phải nghiêng mình khâm phục, ngưỡng mộ. Cha đẻ của thuyết Tương đối, một trong những thuyết vật lý cách mạng của nền khoa học hiện đại

đã được phát minh nhờ vào óc suy luận và tưởng tượng phong phú. Câu nói bất hủ của ông đã trở thành khẩu hiệu quen thuộc trong nhiều trường đại học danh tiếng trên thế giới: “*Trí tưởng tượng quan trọng hơn kiến thức*”. Ông lý giải: “Kiến thức bị giới hạn bởi những gì ta biết và hiểu được, trong khi đó, trí tưởng tượng ôm ấp cả thế giới, và cả những kiến thức chưa ai biết, chưa ai hiểu được”(8) Ông từng tâm sự về quá trình sáng tạo của mình: “Tôi hiểu được rằng, sau cái thế giới mà chúng ta biết được, còn ẩn giấu một cái gì vượt khỏi tri thức của chúng ta. Một cái gì đó, mà về đẹp và sự vượt trội chỉ đến với chúng ta một cách phảng phất, như một ánh sáng hiu hắt. Trong ý nghĩ đó, tôi là một người có tôn giáo. Tôi cố *muờng tượng* những bí ẩn mà tôi chiêm ngưỡng và bằng tri thức hạn hẹp, tôi cố thu nạp và tìm hiểu chút ánh sáng phản chiếu từ sự cấu tạo tuyệt vời của cái Hiện thể”(8) Người ta cũng tin rằng, Mendeleev từng phát hiện Bảng hệ thống tuần hoàn trong một giấc mơ, còn phương trình sóng Schrodinger trong cơ học lượng tử cũng được viết như một sự kết hợp linh diệu giữa lôgic khoa học và trực giác nghệ sĩ. Trường hợp của Desmond Morris cũng vậy. Ông nổi danh không chỉ như một nhà sinh học hành vi mà còn như một họa sĩ và nhà sản xuất phim theo trường phái siêu thực. Ông theo đuổi nghệ thuật trước khi nghiên cứu khoa học và một trong những động cơ nghiên cứu hành vi động vật là ông muốn cải thiện kỹ năng quan sát và vẽ tranh của mình. Như một hệ quả, phong cách khoa học của Morris cũng xuất phát chủ yếu từ chủ nghĩa siêu thực. Nghệ thuật và khoa học của Morris có chung một cơ sở phương pháp luận. Ông dùng giấc mơ để vẽ tranh từ những cảm xúc vô thức. Morris cũng dùng cách đó trong nghiên cứu khoa học. Ông kể, trong mơ ông trở thành động vật để chiêm nghiệm cái bản ngã của chúng: “Tôi cố gắng đặt bản thân vào vị trí con vật để những vấn đề của nó trở thành của tôi; và tôi không thêm một chút gì xa lạ vào cách hành xử của nó. Chỉ giấc mơ là lên tiếng”(10) Khả năng tưởng tượng để đồng nhất với đối tượng nghiên cứu như thế, cũng khá phổ biến trong các nhà nghiên cứu thế giới động vật. Barbara Mc Clintock, người nhận giải Nobel cho những nghiên cứu về di truyền, cũng thường thấy mình hành xử như những nhiễm sắc thể: “Tôi thấy càng làm việc nhiều với chúng, chúng càng trở nên to lớn hơn, và khi tôi thật sự làm việc, tôi thấy mình không ở ngoài mà ngay bên trong. Tôi là một phần của hệ thống khảo cứu...Khi bạn ngắm nhìn chúng, chúng trở thành một phần của bạn. Và bạn phải quên bản thân đi. Vấn đề là bạn phải quên bản thân bạn đi”(10)

Tóm lại, các nhà khoa học đó đều cho rằng, để có thể phát minh ra những điều nằm ngoài các giáo trình vẫn thường giảng dạy, để có những cống hiến xuất sắc trong nghiên cứu thì phải phát huy trí tưởng tượng. Sự thấu hiểu và cảm hứng khoa học bắt nguồn từ những thấu hiểu, những giấc mơ, những cảnh mộng, hay nói gọn lại là năng lực tưởng tượng sáng tạo mang tính nghệ sĩ.

2. Năng lực tưởng tượng với người nghệ sĩ

Cũng như những nhà khoa học, nghệ sĩ không thể không tưởng tượng trong khi sáng tạo. Điểm gặp nhau giữa khoa học và nghệ thuật là tưởng tượng, bởi tưởng tượng là tự do vượt lên trên hiện tại, thực tại và trở về đó một cách sâu sắc hơn, chính xác hơn, bản chất hơn, khoa học và nghệ thuật đều có chung sứ mệnh ấy. Hơn nữa, hiểu theo một cách nào đó thì nghệ thuật cũng chính là một thứ giấc mơ, “giấc mơ ban ngày” (Sigmund

Freud), một trong những hình thức cao nhất của tưởng tượng. Nghệ thuật gửi gắm những mơ tưởng của con người, nghệ thuật là một cách để con người ghi lại những giấc mơ. Giấc mơ nghệ thuật giúp con người được sống nhiều cuộc đời, trải nghiệm nhiều tình huống, mở rộng chiều kích của mình trong không gian và thời gian, thoả mãn những khát vọng không phải lúc nào cũng thực hiện được.

Bằng năng lực tưởng tượng, nghệ sỹ nhào nặn những tư liệu thực tế, truyền vào đó hơi thở của đời để chúng trở thành những hình tượng cụ thể, sinh động, hấp dẫn mang theo bao thông điệp với công chúng. Khác với các ngành khoa học khác, nghệ thuật phản ánh thế giới như nó đang tồn tại trong sự phức tạp, đa dạng và đặt chúng trong mối quan hệ với con người, nói lên những vấn đề của con người. Để phản ánh chân thực và xúc động về cuộc sống, nghệ sỹ phải “nhập thân” bằng tưởng tượng vào đối tượng của mình. Nhà văn Phlôbe kể lại rằng, khi viết đến đoạn bà Bôvari uống thuốc độc tự tử, thì chính ông cũng cảm thấy trong miệng có vị thạch tín và cảm thấy rất buồn nôn. Còn Alêcxây Tôxtôi cũng nhớ lại rằng, khi ông miêu tả cái chết của viên tướng trong tiểu thuyết: “Hai cuộc đời” ...suốt mấy ngày ông cảm thấy rã rời như vừa trải qua một cái chết thật vậy”. M.Gorki đã có lần nói rằng: “...nhà sinh vật học khi nghiên cứu con cừu không nhất thiết phải tưởng tượng mình là con cừu, nhưng nhà văn khi miêu tả người keo kiệt thì không thể không tưởng tượng mình là gã keo kiệt, khi miêu tả kẻ tham lam, không thể không tưởng tượng mình là người tham lam”(7) Nghệ sỹ không bị lệ thuộc hoàn toàn vào hiện thực, phải phản ánh hiện thực y như thực tế, như một tấm gương. Họ có quyền tự do thêm, bớt cho đối tượng của mình để xây dựng những hình tượng nghệ thật điển hình, mang tính cụ thể độc đáo và tính khái quát sâu sắc. Đúng như Lỗ Tấn từng nói, ông không dùng một nguyên mẫu nào mà phải tổng hợp lại, thường là “miệng ở Triết Giang, mặt ở Bắc Kinh, áo quần ở Sơn Tây”

Thực tế, sáng tác của Nam Cao được khơi nguồn cảm hứng từ những con người có thật sống trong cái làng quê nhỏ bé, lam lũ, nghèo khổ của ông ngày ấy. Chính ông cũng đã từng thổ lộ, rằng ông từng viết về những người xung quanh và viết về chính mình - “Những truyện không muốn viết”. Nhưng như thế cũng chưa thể làm nên giá trị của những hình tượng nghệ thuật có sức sống mãnh liệt đến mức nó đã bước ra từ trang sách để hoà nhập với cuộc đời: Chí Phèo, Thị Nở, Lão Hạc... Trong truyện ngắn “Chí Phèo”, việc Nam Cao tưởng tượng để viết về cuộc tình của Chí với Thị Nở đã nâng giá trị của của hình tượng hơn hẳn nguyên mẫu một anh chàng chỉ biết đâm thuê chém mướn như vô khối kẻ du côn khác trong cuộc đời. Miêu tả Thị Nở xấu đến mức “ma chê quỷ hờn”, lại “ngẩn ngơ như những người đàn trong cổ tích”, “dở hơi”, và thuộc về “dòng giống của một nhà có mả hủi”, hơn nữa Thị lại nghèo và đã ngoài ba mươi tuổi.....Không phải Nam Cao cố tình thoá mạ con người. Đặt Thị Nở bên cạnh Chí Phèo thật “đôi lứa xứng đôi”, nhưng thực ra là để khắc hoạ nỗi bất hạnh khôn cùng của Chí Phèo: khao khát lấy một con- người- như- Thị Nở mà cái mong ước tưởng chừng quá bình dị ấy cũng không thể thực hiện nổi. Chí Phèo đã chìm trong cơn say vô tận để rồi chưa bao giờ tỉnh táo đến thế mà kết liễu kẻ đã bắt mình phải say phần lớn trong cuộc đời. Cái kết thúc bi phần ấy không phải là kết thúc áp đặt của một trí tưởng tượng tùy tiện mà nó hoàn toàn phù hợp với lôgic toàn truyện, hợp với quá trình tự vận động của

con người trong xã hội cũ. Chí không thể thoả hiệp với Bá Kiến như Năm Thọ hay Binh Chức vì chúng còn có vợ con, còn phải lo kiếm kế sinh nhai và với chúng chỉ là cân tiền-thứ đã bị bóc lột mà thôi. Còn cuộc đời của Chí thì hoàn toàn cô độc, hẳn không còn gì để mất hay đánh đổi. Hơn nữa, cuộc “tri ngộ” với Thị Nở đã đánh thức đốm lửa lương thiện trong con người hắn. Chí không thể tiếp tục sống cuộc sống như trước ,khi ý thức về chính mình đã trở về. Vì thế, đoạn kết của truyện vừa có sự bất ngờ vừa hợp với logic khách quan của cuộc sống. Trái tim nhân hậu yêu thương của Nam Cao đã ra sức nâng niu, bảo vệ phần tốt đẹp trong những con người bị chà đạp, tàn phá đến mất cả nhân hình, nhân tính dưới chế độ cũ. Như vậy, năng lực tưởng tượng đã giúp người nghệ sỹ khám phá thế giới tinh thần bí ẩn của con người và biểu đạt thành công quá trình vận động tâm lý theo quy luật nội tại của nó, gọi là “phép biện chứng tâm hồn”. Thêm nữa, trường hợp “nhân vật nổi loạn” trong văn học cũng cho chúng ta thấy, nhà văn không thể mặc sức tưởng tượng và điều khiển nhân vật tùy ý hành động như mình muốn mà chúng sẽ làm cái chúng phải làm.

Nhờ năng lực tưởng tượng, ước đoán và sự nhạy cảm trước mọi biến động của cuộc sống, nghệ sỹ dự cảm được những thay đổi của chúng trong tương lai. Trên cơ sở nắm vững thực tại, có tầm nhìn xa và lập trường tiến bộ, bức tranh tương lai của nghệ sỹ được vẽ lên bằng tưởng tượng vì thế không phải là những nét vẽ viển vông, hão huyền, không tưởng. Trước khi chiếc tàu ngầm đầu tiên ra đời, người ta đã biết đến nó qua “Hai vạn dặm dưới đáy biển” của J. Vecnơ. Dự cảm về cách mạng xã hội chủ nghĩa hiện hình trong “Bài ca chim báo bão” của M.Gorki. Trực giác nhạy cảm và tưởng tượng thiên tài của Lêôna ĐờVanhxi khiến hậu thế phải khâm phục: dường như ông biết trước về sự ra đời của máy bay, ô tô, điện thoại...sẽ phổ biến trong tương lai.

Các yếu tố huyền thoại, kỳ ảo, cường điệu là sản phẩm của trí tưởng tượng nhưng cũng là phương tiện để phản ánh hiện thực, lấy cái Hư để phản ánh cái Thực. Nghệ sỹ có thể tưởng tượng về cái chưa bao giờ có mặt trên đời và tác phẩm sẽ chấp cánh cho sự tưởng tượng của con người, kích lệ khát vọng hiện thực hoá những giấc mơ. Tầm thâm biết bay, đôi hải vạn dặm, nòi com thần kỳ...là những yếu tố kỳ ảo trong truyện cổ tích nhưng cũng chính là sự thật trong mong ước của người xưa. Như vậy, nghệ sỹ có quyền xây dựng tác phẩm từ óc tưởng tượng nhưng sự tưởng tượng ấy phải phù hợp ở mức độ nào đó với thực tế. Bởi vì, “người ta không chút động lòng về cái gì người ta không tin”(1) Muốn công chúng tin vào tác phẩm, có lẽ cánh diều tưởng tượng phải được cột chặt với mặt đất bằng sợi dây hiện thực. Không có sợi dây hiện thực đó, mọi sự sáng tạo chỉ là sự bịa đặt tùy tiện, vô nghĩa lý. Gắn với hiện thực, phản ánh hiện thực một cách sáng tạo, nghệ thuật là cuốn “bách khoa toàn thư” để con người lĩnh hội tri thức từ hiện thực tưởng tượng thấm đẫm niềm tin của tác giả, nên chúng có sức thuyết phục rất cao.

Năng lực tưởng tượng của nghệ sỹ chủ yếu không phải là khả năng tạo ra những tình huống hoang đường, hoàn toàn không có thật, mà là khả năng “lạ hoá”, biết làm cho những cái quen thuộc trở thành xa lạ, mới mẻ, biết phát hiện ra cái lạ trong những cái đã quen. Nhờ đó, thế giới nghệ thuật luôn hiện ra lung linh, đầy màu sắc, gây ấn tượng khó quên trong xúc cảm con người. Tác phẩm “Dé mèn phiêu lưu ký” là sản phẩm của trí tưởng tượng, tài quan sát tinh tế, óc nhận xét sắc sảo, hóm hỉnh và tình yêu sự sống của

Tô Hoài. Tác giả đã mượn truyện thể giới sinh vật nhỏ bé, quen thuộc quanh ta để nói bao điều bổ ích về cách sống làm người. Thông qua cuộc phiêu lưu, mạo hiểm không kém phần ly kỳ của chàng Dê, cả thế giới loài vật trong sáng ngây thơ lần lượt hiện lên dưới ngòi bút nhà văn như một thế giới con người thu nhỏ lại. Hơi thở tươi mát của sự sống trong từng trang truyện đã làm say mê biết bao thế hệ thiếu nhi Việt Nam và thế giới. Bức tranh: “Đứa trẻ đang xem sự ra đời của con người mới”(1943) của Salvador Dali cho ta thấy tầm triết lý cao siêu, trí tưởng tượng phong phú của hoạ sỹ. Trong tranh, hình ảnh một con người trưởng thành đang tìm cách thoát ra khỏi quả trứng khổng lồ, từ vết nứt chảy ra một giọt máu đỏ...Hình tượng thật phi lý nhưng cũng thật có lý. Đường như không có sự hoài thai nào không nhọc nhằn, đau đớn?

Ở người nghệ sỹ, sự bịa đặt sáng tạo được dựng nên từ những hiện tượng khoa học thực đã cho ra đời một loại phim, truyện đặc biệt: phim, truyện khoa học viễn tưởng. Người nghệ sỹ tưởng tượng về những chuyến du hành trong không gian và thời gian, những cuộc chinh phục vũ trụ xa xôi, đại dương bí ẩn, những sinh vật ngoài trái đất... Tưởng tượng nhưng không kém phần thuyết phục khi người nghệ sỹ đề cập đến sự phát triển ồ ạt của các bộ môn khoa học và kỹ thuật, cảnh báo con người trước những vấn đề có tính toàn cầu: thế giới sẽ ra sao nếu vũ khí hạt nhân phát triển, sinh vật ngoài trái đất tấn công con người, sự sụp đổ của nền văn minh, những thảm hoạ ghê ghớm của thiên tai...

Tất nhiên, giá trị của một công trình khoa học hay một tác phẩm nghệ thuật không phải chỉ phụ thuộc hoàn toàn vào năng lực tưởng tượng. Có nhiều yếu tố khác cùng tham gia vào quá trình sáng tạo, nhưng tưởng tượng vẫn là nơi bắt đầu cho những khám phá của con người và quyết định không nhỏ tới thành công.

3.Nghệ thuật và khoa học

Lunatraxki có lẽ sẽ không đủ tự tin nữa khi ông vạch ra một vùng đất “thiên” cho văn học: “Nhà văn là người khản hoang, bằng trực cảm tinh tế của mình, nhà văn đi đến những vùng đất mà ở đó các khoa học thống kê và các khoa học khác không sao có thể thâm nhập được”(4). “Vùng đất” mà ông nói tới ở đây là mặt thẩm mỹ của đời sống, đối tượng phản ánh của nghệ thuật. Nhưng khoa học ngày nay cũng ngày càng chứng tỏ khả năng lớn lao trong việc khám phá đời sống. Ngay trong việc diễn đạt những rung động tế vi trong tâm hồn vốn là thế mạnh của nghệ thuật, thì khoa học cũng có thể áp dụng kỹ thuật của mình để đo các ảnh hưởng về sinh lý, nghiên cứu về tâm lý của con người trước các tác phẩm nghệ thuật. Một điều không thể phủ nhận, khoa học đã và đang thâm nhập thẳng vào đời sống tinh thần tinh cảm của con người, làm biến đổi môi trường thị giác của họ, tạo ra những thói quen thị giác mới của xã hội hiện đại. Những toà cao ốc, tàu điện ngầm, những dòng xe hơi vun vút, vô tuyến truyền hình, sự phổ cập của Internet ...không còn là giấc mơ xa lạ với con người, và nghệ sỹ sẽ phản ánh như thế nào về con người hiện đại trong xã hội ấy?

4. Vài suy ngẫm

Con người ngày nay dường như bị nhập vào dòng cuốn hồi hải của cuộc sống hiện đại, nếp sống công nghiệp, sự phát triển như vũ bão của khoa học công nghệ, nên ít đi những khoảnh khắc mộng mơ, tưởng tượng. Những lo toan bề bộn, thực dụng giết chết cảm xúc bay bổng của con người trước cái đẹp giản dị, bình thường của cuộc sống. Thậm chí có người còn cho rằng, đâu đâu cũng thấy vắng bóng năng lực tưởng tượng. Học sinh chạy theo lối học vẹt, học tủ, trí nhớ được chú trọng hơn trí tưởng tượng. Trong khoa học, tri thức được đề cao hơn năng lực sáng tạo, người nghiên cứu không dám đưa ra những sáng kiến cá nhân, những gì lệch chuẩn... Nhưng mọi thứ đều có thể, mọi thứ đều sẽ biến đổi. Năng lực tưởng tượng dựa trên quan điểm biện chứng ấy của cuộc sống sẽ giúp con người thấy được sự biến mất của cái cũ, hình dung ra sự xuất hiện của cái mới. Thiếu tưởng tượng, người ta chỉ có thể lặp lại lối mòn, theo thói quen, sản xuất theo cách có sẵn, hiểu theo cái vẫn được hiểu. Mà cuộc sống thì cần con người tạo ra cái mới, cái chưa hề có, vượt khỏi đầu óc thông thường, để làm cho cuộc sống ngày một tốt đẹp hơn. Muốn vượt ra khỏi những khuôn khổ có sẵn, con người cần có trí tuệ và lòng dũng cảm. Phải dám bút phá ra khỏi những quy ước và ràng buộc, những định kiến lâu đời, nhà khoa học hay người nghệ sĩ cần tự “giải phóng” mình để bay tới “những vì sao”...

V.T.T.H

Tài liệu tham khảo

1. Henri Becnac, *Dẫn giải ý tưởng văn chương*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2008.
2. Nam Cao, *Nam Cao tuyển tập*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2006.
3. Phạm Thị Chính, *Lịch sử mỹ thuật thế giới*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2006.
4. Hà Minh Đức (chủ biên), *Lý luận văn học* (tái bản lần thứ 9), Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2003.
5. Đỗ Văn Khang, *Nghệ thuật học*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2004.
6. Phương Lựu, *Lý luận phê bình văn học phương Tây thế kỷ XX*, Nxb Văn học - Trung tâm văn hoá ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2001.
7. Trần Đình Sử, Lê Ngọc Trà, Phương Lựu, *Lý luận văn học* (tập 1), Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1987.
8. Nguyễn Thế Tài, “*Albert Einstein- nhà bác học đam mê và chân thật*”, nguồn: <http://Vietsciencé.free.fr>.
9. Lê Ngọc Trà, *Văn chương, thẩm mỹ và văn hoá*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007.
10. Mỹ học, nguồn: <http://chungta.com>